

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 144/2017/HNGĐ-ST

Ngày 21-7-2017

V/v: “Ly hôn giữa chị O và anh
V”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tiến Sử

2. Ông Nguyễn Hải Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị O, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện HH, tỉnh ND

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện HH, tỉnh ND

(Có mặt anh V, chị O vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị O kết hôn với anh Phạm Văn V trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 25-9-2001 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh V ở xóm A, xã B, huyện HH, tỉnh ND, được hơn hai năm vợ chồng cùng vào Miền Nam làm ăn. Trong quá trình chung sống thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau

nguyên nhân là do anh V nghi ngờ chị O không chung thủy, tính tình anh V nóng nảy. Đến năm 2012 vợ chồng chuyển về quê sống được mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt với nhau, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 3 năm 2017. Nay chị O xét thấy tình cảm giữa chị và anh V không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức căng thẳng trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có ba con chung cháu Phạm Hải Yên, sinh ngày 23/01/2003; con thứ hai cháu Phạm Thị Hải Luyến, sinh ngày 17/03/2006, con nhỏ cháu Phạm Trần Huyền Trang, sinh ngày 07/04/2012, hiện nay cháu Yên và cháu Luyến đang ở cùng anh V, cháu Trang đang ở cùng chị O. Khi ly hôn nguyện vọng của chị O xin được nuôi dưỡng, chăm sóc ba con chung, chị O yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị mỗi con 700.000đ/ 1 tháng cho đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành và tự lập được.

Về quan hệ chia tài sản và công nợ: Chị O không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng. Về công nợ hiện nay vợ chồng chị không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ.

Bị đơn anh Phạm Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V công nhận về thời gian tìm hiểu, thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị Trần Thị O đã trình bày. Sau khi cưới được khoảng 9 tháng anh V vào Miền Nam làm giúp cho chú chị O, ở nhà chị O đã lấy trộm quần của người bán hàng, khi con lớn được 4 tháng chị O đã tiêu hết số tiền 1.200.000đ nhưng không lý giải được lý do. Đến cuối năm 2002 anh V vào Biên Hòa – Đồng Nai làm ăn, một thời gian sau chị O đến nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sống. Trong thời gian chị O làm ăn ở Miền Nam anh V nghi ngờ chị O có quan hệ tình cảm với một số người đàn ông khác, thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau. Đến 2010 anh V chuyển ra tỉnh Thái Nguyên làm việc, chị O ở nhà chăm sóc các con không chu đáo, để nhà cửa không gọn gàng, anh V đã chửi chị O nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị O xin ly hôn anh V nhất trí thuận tình ly hôn, bởi vì anh V không còn tình cảm với chị O.

Về quan hệ nuôi con: Anh Phạm Văn V trình bày: Đúng là vợ chồng anh có ba con chung họ tên và ngày tháng năm sinh của các con đúng như chị O đã trình bày. Hiện nay hai con lớn đang ở cùng với anh V, con nhỏ đang ở cùng chị O. Khi ly hôn theo nguyện vọng của anh V xin nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba con chung,

anh V không yêu cầu chị O phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì anh đi làm có thể tự lo cho cả ba con ăn học.

Về quan hệ chia tài sản và công nợ: Anh V cũng không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng. Về công nợ hiện nay vợ chồng anh không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ.

Tại phiên toà hôm nay, anh Phạm Văn V vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, chị Trần Thị O đã có đơn xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, chị O đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị O.

[2] Chị Trần Thị O và anh Phạm Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 25-9-2001 tại UBND xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Qua xem xét toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa hôm nay, xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Trần Thị O và anh Phạm Văn V là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, vợ chồng có xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau, từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý và trách nhiệm với nhau được 4 tháng.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị O và anh Phạm Văn V là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị O xin ly hôn anh V cũng nhất trí thuận tình ly hôn nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị O là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Trần Thị O và anh Phạm Văn V có ba con chung, cháu Phạm Hải Yến, sinh ngày 23/01/2003; cháu Phạm Thị Hải Luyến, sinh ngày 17/03/2006 và cháu Phạm Trần Huyền Trang, sinh ngày 07/04/2012. Khi ly hôn chị O và anh V đều có nguyện vọng xin được nuôi ba con chung, chị O yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị mỗi con 700.000đ/ 1 tháng, anh V không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét yêu cầu của chị O và anh V về việc nuôi dưỡng con chung thì thấy: Cháu Yến và cháu Luyến hiện nay vẫn đang do anh V nuôi dưỡng tại nhà chung của vợ chồng, cháu Trang đang

do chị O nuôi dưỡng tại nhà bố mẹ đẻ chị, bản thân chị O đang đi làm ăn tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đang phải đi ở nhờ, chưa có nơi cư trú ổn định không thuận tiện cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con, theo nguyện vọng của cháu Yến và cháu Luyến xin được ở với anh V, vì các cháu đang ăn học ổn định tại xã Hải Hưng và không muốn ở cùng chị O, theo quy định của khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung nên cần tiếp tục giao hai con chung cháu Yến và cháu Luyến cho anh V nuôi dưỡng, giao cháu Trang cho chị O nuôi dưỡng là phù hợp, hai bên có quyền đến chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con. Do chị O nuôi dưỡng một con chung, anh V nuôi dưỡng hai con chung, số lượng con chị O nuôi ít hơn anh V nên yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị O không được chấp nhận, anh V không yêu cầu chị O phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Đến nay cả chị Trần Thị O và anh Phạm Văn V đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, tài sản riêng và đồ dùng tư trang cá nhân của ai thì người đó đang quản lý, sử dụng nên khi giải quyết ly hôn về quan hệ chia tài sản và công nợ của chị O, anh V Tòa án không cần đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị O phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị O và anh Phạm Văn V.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao hai con chung Phạm Hải Yến, sinh ngày 23/01/2003 và Phạm Thị Hải Luyến, sinh ngày 17/03/2006 cho anh Phạm Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

2.2 Giao con chung Phạm Trần Huyền Trang, sinh ngày 07/04/2012 cho chị Trần Thị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

2.3 Chị Trần Thị O và anh Phạm Văn V không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau mà có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị O phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 08937 ngày 26-4-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, chị Trần Thị O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị đơn được quyền kháng cáo đối với bản án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lại Văn Tùng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã Hải Hưng: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

